

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ27,900
Tiềm năng tăng/giảm: 13.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2024)	24,500
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,633-25,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,300
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	129,534
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,123
Sig CP lưu hành (tr.đv)	5,287
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,269
Sig CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	65.8%
Cổ đông lớn	Huy, người liên quan (19.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	945	1,087	1,351
Dư nợ cho vay (ntđ)	613	743	897
Tổng thu nhập HD (ntđ)	47.3	53.7	69.0
Lợi nhuận thuần (ntđ)	20.7	22.4	25.3
BVPS (đồng)	17,851	21,278	25,041
EPS (đồng)	3,683	3,950	4,412
DPS (đồng)	436	504	576
T.trưởng cho vay KH (%)	32.8	21.3	20.6
T.trưởng thu nhập HD (%)	3.76	13.4	28.5
Tăng trưởng EPS (%)	18.3	7.24	11.7
Tăng trưởng DPS (%)	nm	15.6	14.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.8	12.8	13.1
ROAE (%)	24.5	21.8	20.6
ROAA (%)	2.47	2.20	2.07
Tỷ lệ NIM (%)	4.79	4.29	4.88
Tỷ lệ CIR (%)	31.5	29.5	32.1
Hệ số CAR (%)	10.8	11.1	10.6
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.60	1.70	1.60
LLR/nợ xấu (%)	118	91.4	89.2
Hệ số LDR (%)	108	109	104
P/B (lần)	1.37	1.15	0.98
P/E (lần)	6.65	6.20	5.55
Lợi suất cổ tức (%)	1.78	2.06	2.35

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận thuần Q2 tăng 23,2%; vượt nhẹ dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2024 của MBB đạt 6,0 nghìn tỷ đồng, tăng 23,2%, nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ cùng tỷ lệ NIM & lãi thuần HĐ dịch vụ phục hồi và lãi mua bán trái phiếu. Từ đó, lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2024 đạt 10,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5%.
- Kết quả Q2/2024 tích cực trên hầu hết các khía cạnh, với tín dụng tăng trưởng mạnh đạt 9,3% kể từ đầu năm, tỷ lệ NIM & thu nhập ngoài lãi hồi phục và chất lượng tài sản cải thiện (tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,63% từ 2,48% trong Q1/2024). Những kết quả này tốt hơn một chút so với dự báo của chúng tôi.
- Do KQKD Q2/2024 tốt hơn kỳ vọng và diễn biến mạnh mẽ của giá cổ phiếu gần đây, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024 vào ngày 30/7/2024

MBB đã công bố KQKD Q2/2024 với lợi nhuận thuần đạt 6,0 nghìn tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,5% so với cùng kỳ mặc dù lợi nhuận thuần Q1/2024 giảm 9,8% so với cùng kỳ. Kết quả Q2/2024 có vẻ khả quan ở tất cả các yếu tố, bao gồm tăng trưởng tín dụng, sự hồi phục của tỷ lệ NIM & thu nhập ngoài lãi và chất lượng tài sản.

Tổng dư nợ tín dụng tăng mạnh trong Q2/2024 sau sự khởi đầu chậm

Tổng dư nợ tín dụng hợp nhất tăng 9,3% kể từ đầu năm, trong đó tín dụng Ngân hàng mẹ tăng 9,1% và tăng trưởng bình quân của các công ty con đạt 14,3%. Tín dụng mới đến từ nhiều lĩnh vực và ngành nghề, trong đó cho vay khách hàng cá nhân tăng 5,7% kể từ đầu năm và cho vay DNNVV/doanh nghiệp lớn tăng 12%. Ngược lại, tổng vốn huy động và giấy tờ có giá tăng chậm hơn ở mức 3,5% kể từ đầu năm. Mức tăng trưởng này cho thấy một xu hướng tích cực ngay cả khi bao gồm các khoản cho vay kỹ thuật (nếu có).

HSC cũng nhận thấy MBB đã có sự chuyển dịch nhẹ khỏi lĩnh vực BĐS với dư nợ cho vay lĩnh vực này chỉ tăng 3,7% kể từ đầu năm. Từ đó, tỷ trọng cho vay đối với các lĩnh vực rủi ro (bao gồm TPDN, cho vay lĩnh vực xây dựng và BĐS) giảm xuống 15,4% trong Q2/2024 từ 17% tại thời điểm cuối năm 2023 và mức đỉnh là gần 20% vào Q1/2022.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024 & 6 tháng đầu năm 2024, MBB

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ	% đạt dự báo HSC
Thu nhập lãi thuần	9,481	10,531	11.1%	19,709	19,593	-0.6%	46%
Thu nhập ngoài lãi	2,079	3,598	73.0%	3,782	6,553	73.3%	58%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	861	1,354	57.3%	1,550	2,299	48.3%	53%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	325	393	21.1%	696	855	22.9%	56%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	231	793	242.8%	403	1,975	389.6%	71%
Thu nhập khác	629	1,035	64.6%	1,096	1,400	27.7%	55%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	22	-34.8%	37	23	-36.3%	40%
Tổng thu nhập HD	11,561	14,129	22.2%	23,491	26,146	11.3%	49%
Chi phí HD	4,135	4,491	8.6%	7,703	8,005	3.9%	51%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	7,426	9,639	29.8%	15,787	18,141	14.9%	48%
Chi phí dự phòng	1,203	2,006	66.8%	3,052	4,713	54.4%	51%
LNTT	6,223	7,633	22.7%	12,735	13,428	5.4%	47%
Lợi nhuận thuần	4,893	6,027	23.2%	9,917	10,559	6.5%	47%

Nguồn: MBB, HSC

Tỷ lệ NIM hồi phục 54 điểm cơ bản so với quý trước, sát với dự báo

Tỷ lệ NIM hợp nhất Q2/2024 tăng 54 điểm cơ bản so với quý trước lên 4,6% nhờ lợi suất gộp tăng 12 điểm cơ bản, chi phí huy động giảm 48 điểm cơ bản và tỷ lệ LDR điều chỉnh tăng nhẹ. Kết quả này sát với dự báo của chúng tôi do việc các khoản vay kỹ thuật giảm xuống sẽ giúp tăng lợi suất gộp, trong khi mật bằng lãi suất tiền gửi thấp hơn sẽ làm giảm chi phí huy động.

Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,63% từ 2,48% trong Q1/2024

Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể trong Q2/2024. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,63% từ 2,48% trong Q1/2024, trong khi nợ xấu nhóm 2 giảm từ 2,3% xuống 1,8%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 102,1% từ 80,3% trong quý trước. Những yếu tố chính góp phần vào sự cải thiện này bao gồm việc phân loại lại nợ của một khách hàng lớn (khách hàng này đã trả được nợ xấu ở các ngân hàng khác) và việc trích lập và đưa ra ngoại bảng một lượng lớn nợ xấu trong Q2/2024. Ngoài ra, lãi phải thu không đáng kể và tài sản khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên bảng CĐKT tiếp tục cho thấy sự cải thiện của chất lượng tài sản.

Chi phí dự phòng Q2/2024 tăng 66,8% so với cùng kỳ, cho thấy MBB đã thận trọng và trích lập dự phòng kịp thời.

Thu nhập ngoài lãi hồi phục mạnh

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng lần lượt 57,3% và 48,3% so với cùng kỳ trong Q2/2024 và 6 tháng đầu năm 2024, mặc dù lãi thuần từ phí bảo hiểm giảm lần lượt 22,6% và 35,6% so với cùng kỳ. Kết quả tích cực này phù hợp với xu hướng của ngành và được cho là đến từ các dịch vụ khác bên cạnh bancassurance. Lãi mua bán trái phiếu tăng mạnh 389,6% trong 6 tháng đầu năm 2024 nhờ lợi suất TPCP thấp, từ đó giúp bù đắp tác động tiêu cực từ việc chi phí dự phòng tăng lên, sát với kỳ vọng của chúng tôi. Ngoài ra, thu nhập khác mạnh mẽ cũng được củng cố nhờ khoản thu hồi nợ xấu ngoại bảng khoảng 1,2 nghìn tỷ đồng.

Chi phí hoạt động ổn định

Tỷ lệ CIR vẫn ổn định ở mức 31,8% trong Q2/2024, tương đương những quý gần đây. Đáng chú ý là lợi nhuận của MBB vẫn tăng trưởng mà không cần cắt giảm mạnh chi phí hoạt như một số NHTM tư nhân khác. Chúng tôi đánh giá sự ổn định này cũng là một tín hiệu tích cực.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Do KQKD Q2/2024 tốt hơn kỳ vọng và diễn biến mạnh mẽ của giá cổ phiếu gần đây (tăng 10,4% trong 1 tháng qua), HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	52.5	69.1	70.5	93.3	115
Chi phí lãi	(16.5)	(30.5)	(28.1)	(35.4)	(45.7)
Thu nhập lãi thuần	36.0	38.7	42.4	57.9	69.3
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.14	4.09	4.36	5.15	6.16
Lãi thuần HĐ KDNH	1.70	1.21	1.53	1.80	2.16
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.46	0.84	2.80	1.58	1.99
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.13	0.06	0.06	0.06	0.06
Thu nhập khác	2.14	2.43	2.53	2.47	3.27
Tổng thu nhập HĐ	45.6	47.3	53.7	69.0	82.9
Chi phí HĐ	(14.8)	(14.9)	(15.8)	(22.1)	(26.5)
LN trước dự phòng	30.8	32.4	37.8	46.8	56.4
Chi phí dự phòng	(8.05)	(6.09)	(9.23)	(14.5)	(17.2)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	22.7	26.3	28.6	32.3	39.2
Chi phí thuế TNDN	(4.57)	(5.25)	(5.73)	(6.46)	(7.84)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.67)	(0.38)	(0.49)	(0.57)	(0.69)
Lợi nhuận thuần	17.5	20.7	22.4	25.3	30.7
EPS (đồng)	3,114	3,683	3,950	4,412	5,347
DPS (đồng)	0	436	504	576	661
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,195	5,195	5,241	5,295	5,304
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,195	5,195	5,287	5,304	5,304
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,195	5,195	5,287	5,304	5,304

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.74	3.68	4.04	5.09	6.21
Tiền gửi tại NHNN	39.7	66.3	23.9	43.3	52.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	32.9	46.3	81.9	113	148
Chứng khoán kinh doanh	4.11	44.3	37.5	14.5	17.2
Các công cụ tài chính phái sinh	0.07	0.14	0	0	0
Số dư cho vay thuần	450	601	732	884	1,066
Tổng dư nợ cho vay	462	613	743	897	1,080
Dự phòng rủi ro	(12.0)	(11.5)	(11.6)	(12.8)	(14.5)
Chứng khoán đầu tư	160	148	170	248	294
CK đầu tư sẵn sàng để bán	155	143	165	239	284
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.48	5.39	6.25	9.20	10.9
Dự phòng rủi ro	(0.40)	(0.48)	(0.41)	(0.45)	(0.48)
Đầu tư dài hạn	0.63	0.62	0.59	0.59	0.59
Tài sản cố định	5.31	5.09	5.33	5.49	5.65
Tài sản khác	32.9	29.2	32.1	38.1	46.0
Tổng tài sản	729	945	1,087	1,351	1,637
Nợ phải trả	649	848	970	1,214	1,473
Tiền gửi của NHNN	0.03	0.01	3.90	3.90	3.90
Tiền gửi của các TCTD khác	65.1	99.8	100	122	145
Tổng tiền gửi KH	444	568	683	866	1,056
Trái phiếu và CCTG	96.6	126	125	153	186
Nợ khác	41.6	51.6	54.7	65.5	78.3
Vốn chủ sở hữu	75.9	92.7	112	133	158
Vốn điều lệ	45.3	52.1	61.0	70.1	80.7
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	0.87	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	19.1	25.6	32.9	40.7	51.3
Quỹ & vốn khác của CSH	10.7	14.2	17.3	20.6	24.4
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.66	3.97	4.47	5.04	5.73
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	729	945	1,087	1,351	1,637
BVPS (đồng)	14,619	17,851	21,278	25,041	29,726

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.0	29.7	15.1	24.3	21.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	27.0	32.8	21.3	20.6	20.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.3	27.9	20.3	26.9	21.9
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	19.6	28.5	16.4	26.1	21.9
Tăng trưởng VCSH (%)	27.5	22.1	21.3	18.1	18.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	37.5	7.39	9.56	36.6	19.6
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	19.7	0.66	6.08	39.9	19.6
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	25.3	5.25	16.8	23.8	20.5
Tăng trưởng LNTT (%)	37.5	15.7	8.74	12.9	21.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	37.7	18.3	8.23	12.9	21.4

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	6.83	5.65	5.28	5.66	5.55
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.22)	(1.78)	(1.56)	(1.81)	(1.77)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.3	96.6	97.2	97.3	97.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.83	2.90	3.24	4.10	4.86
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	58.5	69.2	74.8	84.5	103

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.87	6.65	6.20	5.55	4.58
P/B (lần)	1.68	1.37	1.15	0.98	0.82
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.78	2.06	2.35	2.70

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.3	43.7	41.7	36.6	37.0
ROAA (%)	2.62	2.47	2.20	2.07	2.05
ROAE (%)	25.8	24.5	21.8	20.6	21.1
Chi phí huy động BQ (%)	2.95	4.35	3.30	3.44	3.61
Lợi suất góp BQ (%)	8.25	8.56	7.14	7.86	7.91
Lợi suất thuần (%)	5.30	4.20	3.84	4.42	4.30
Tỷ lệ NIM (%)	5.66	4.79	4.29	4.88	4.76
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.07	8.64	8.13	7.47	7.43
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	79.0	81.8	79.0	84.0	83.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	21.0	18.2	21.0	16.0	16.4
Tỷ lệ CIR (%)	32.5	31.5	29.5	32.1	31.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	11.8	12.8	13.1	12.4

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.5	10.8	11.1	10.6	10.4
VCSH/Tổng TS (%)	10.4	9.81	10.3	9.83	9.63
Đòn bẩy vốn (lần)	9.59	10.2	9.66	10.2	10.4

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.09	1.60	1.70	1.60	1.40
Hệ số LLR (%)	238	118	91.4	89.2	96.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	108	109	104	102
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	10.8	12.6	11.0	10.7	10.5
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	63.4	64.9	68.4	66.3	66.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	299	299	299	299	299
Số lượng nhân viên	16,136	16,324	16,568	16,816	17,068

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn